

Khu BTTN Mom Ray

Tên khác

Chư Mom Ray, Mom Ray-Ngọc Vin

Tỉnh

Kon Tum

Tình trạng

Nghị định

Ban quản lý được thành lập

Có

Vĩ độ

14°22' - 14°36' vĩ độ Bắc

Kinh độ

107°30' - 107°47' kinh độ Đông

Vùng địa lý sinh học

Ma - Trung Trung Bộ



Tình trạng bảo tồn

Mom Ray đã có trong Quyết định Số 654/HĐBT, ký ngày 07/04/1982, của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng. Quyết định trên đã công nhận việc thành lập khu bảo tồn thiên nhiên Mom Ray - Ngọc Vin với diện tích 10.000 ha (Bộ NN và PTNT 1997). Năm 1995, dự án đầu tư cho khu bảo tồn thiên nhiên Mom Ray đã được Viện ĐTQH Rừng xây dựng. Theo dự án đầu tư, diện tích khu bảo tồn thiên nhiên là 48.658 ha, bao gồm phân khu bảo vệ nghiêm ngặt 43.005 ha và phân khu phục hồi sinh thái 5.653 ha (Anon. 1995). Dự án đầu tư này đã được phê duyệt theo Quyết định Số 12, ngày 27/01/1996, của Ủy ban Nhân dân tỉnh Kon Tum và Quyết định Số 3051 ký ngày 11/09/1996 của Bộ NN và PTNT, và Quyết định Số 693, ký ngày 19/10/1998 của Chính phủ (Chi cục Kiểm lâm Kon Tum 2000).

Ngân hàng Thế giới tài trợ dự án bảo vệ rừng và phát triển nông thôn (FRPDP) với ý tưởng đề xuất mở rộng diện tích khu Mom Ray lên khoảng 45.000 ha. Một vùng mở rộng như vậy sẽ sát nhập thêm các vùng quan trọng vào phía nam khu bảo tồn hiện có và liên kết với diện tích nhỏ ở phía bắc, nâng diện tích của khu bảo lên khoảng 90.000 ha.

Tuy vậy Mom Ray được đưa vào danh sách đề xuất các khu rừng đặc dụng Việt Nam đến năm 2010 là khu bảo tồn thiên nhiên chỉ với diện tích 48.658 ha (Cục Kiểm Lâm 1998).

Địa hình và thủy văn

Khu bảo tồn thiên nhiên Mom Ray thuộc Tây Nguyên, gần với vùng ngã ba biên giới Việt Nam, Lào và Campuchia. Khu bảo tồn thuộc các xã Rờ Kơi, Sa Sơn, Sa Nhơn và Mo Rai, huyện Sa Thầy, và xã Sa Loong, thuộc huyện Ngọc Hồi. Về phía tây khu bảo tồn là biên giới Campuchia.

Khu bảo tồn thiên nhiên nằm trên vùng núi trung bình, đỉnh cao nhất là Núi Chư Mom Ray, 1.773 m, đó cũng chính là tên của khu bảo tồn này. Độ cao thấp nhất khu bảo tồn thiên nhiên là 200 m. Khu bảo tồn nằm trong lưu vực sông Dak Hodrai và Krông Pô Kô cùng với các nhánh của 2 sông này. Hai sông này đều đổ vào sông Sê San, sông này chảy theo hướng đông bắc vào Campuchia sau đó hoà nhập vào sông Mê Kông.

Đa dạng sinh học

Khu bảo tồn thiên nhiên Mom Ray có 2 kiểu rừng chính là rừng thường xanh đất thấp, phân bố ở độ cao dưới 1.000 m, và kiểu rừng thường xanh

núi thấp phân bố ở độ cao trên 1000m. Thêm vào đó, có một vài khu vực nhỏ hơn thuộc kiểu rừng nửa rụng lá đất thấp, phân bố ở độ cao dưới 700 m. Diện tích còn lại của khu bảo tồn là vùng phân bố các dạng thảm thực vật thứ sinh (Anon. 1995).

Theo dự án đầu tư, ở khu bảo tồn thiên nhiên Mom Ray đã ghi nhận được 508 loài thực vật bậc cao có mạch. Trong đó có loài Tuế lá xẻ *Cycas micholitzii* là loài bị đe dọa toàn cầu có trong "Danh sách các loài Thực vật bị đe dọa của IUCN" (Anon. 1995). Về khu hệ động vật, có 76 loài thú, 208 loài chim, 51 loài lưỡng cư, 17 loài ếch nhái đã được ghi nhận cho khu bảo tồn (Đỗ Tước và Ngô Tư 1995).

Theo Duckworth và Hedges (1998), khu bảo tồn thiên nhiên Mom Ray có thể là một trong số các vùng sống tốt nhất còn lại của loài Hổ *Panthera tigris* ở Việt Nam. ước tính quần thể Hổ ở đây có từ 10 đến 15 con trong năm 1997. Duckworth và Hedges (1998) cũng ghi nhận sự hiện diện của loài Voi *Elephas maximus* ở Mom Ray, mặc dầu kích thước quần thể của chúng đã bị suy giảm đáng kể kể từ năm 1980, và hiện nay chúng đã bị phân thành hai nhóm nhỏ. Các tác giả trên cũng đã ghi nhận sự hiện diện của loài Bò tót *Bos gaurus* ở Mom Ray.

Trong thời gian điều tra năm 1992, có hai phân loài Vọc vá, là Vọc vá chân nâu *Pygathrix nemaeus nemaeus* và Vọc vá chân đen *P. n. nigripes*, được ghi nhận tại khu Mom Ray (Lê Trọng Trãi pers. comm.).

Các vấn đề về bảo tồn

Vùng đệm khu bảo tồn thiên nhiên Mom Ray có diện tích 51.000 ha, thuộc 8 xã. Tổng số dân của vùng đệm là 27.411 người, thuộc các nhóm dân tộc Kinh, Gia Rai, Mường, Xê Đăng, Thái và Rơ Măm (dân tộc Rơ Măm có khoảng 200 người vào năm 1992). Hiện tại không có dân sống trong vùng lõi của khu bảo tồn (Chi cục Kiểm Lâm Kon Tum 2000).

Có nhiều mối đe dọa đến đa dạng sinh học trong vùng gây ra do người dân sống ở vùng đệm. Chi cục Kiểm Lâm Kon Tum (2000) xác định các

mối đe dọa đến rừng là cháy rừng, săn bắn, và phát rừng làm nương rẫy.

Theo dự án FPRDP (pers. comm.), các vấn đề bảo tồn quan trọng ở khu bảo tồn thiên nhiên Mom Ray là: ranh giới khu bảo tồn thiên nhiên chưa được xác định rõ trên thực địa; có sự vi phạm của các buôn làng sống gần ranh giới với khu bảo tồn; săn bắn bên trong khu bảo tồn; khai thác gỗ và lâm sản phi gỗ bên trong khu bảo tồn; có dự án nâng cấp con đường chính cắt xuyên qua giữa khu bảo tồn thiên nhiên để phục vụ các vùng trồng cao su của địa phương. Ngoài ra vùng Mom Ray cũng là nơi đã bị rải chất độc hoá học nặng nề trong chiến tranh chống Mỹ.

Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Mom Ray hiện có 39 người, làm việc tại ban quản lý và 3 trạm bảo vệ. Ban quản lý được trang bị 3 ô tô và 2 xe gắn máy, cũng như máy vi tính và các phương tiện thông tin liên lạc (Chi cục Kiểm lâm Kon Tum 2000).

Các giá trị khác

Khu bảo tồn thiên nhiên Mom Ray có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ đầu nguồn hệ thống suối thuộc sông Sê San. Nhiều đập thủy điện đã được quy hoạch trên hệ thống sông Sê San, một trong số đó đã được xây dựng là Đập Ya Ly.

Lâm sản là nguồn thu quan trọng đối với cộng đồng địa phương hiện đang có đời sống còn khó khăn, trung bình người dân trong vùng thiếu lương thực 2 tháng mỗi năm (Chi cục Kiểm Lâm Kon Tum 2000). Các sản phẩm rừng được người dân khai thác phổ biến bao gồm gỗ, củi, tre nứa, mây song, mật ong, nhựa thông và cây thuốc (Thái Truyen 1997).

Các dự án có liên quan

Dự án Ngân hàng Thế giới tài trợ FPRDP bắt đầu thực hiện ở khu bảo tồn thiên nhiên Mom Ray vào năm 1999. Các mục tiêu của dự án này là phát triển dự án quản lý đối với khu bảo tồn thiên nhiên đã được chỉnh sửa, đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội trong vùng đệm nhằm làm giảm áp lực và sự phụ thuộc của dân vào tài nguyên khu

bảo tồn thiên nhiên, và phát huy khả năng quản lý khu bảo tồn thiên nhiên và vùng đệm của cơ quan chức năng.

Việc chỉnh sửa kế hoạch quản lý nhằm mục đích ban hành thống nhất hướng quản lý khu bảo tồn, bao gồm cả việc quản lý vùng, quản lý hệ sinh thái, phát triển cơ quan chức năng, các mối quan hệ cộng đồng và nguồn thu nhập thay thế, sự hiểu biết về bảo tồn và giáo dục, du lịch và quản lý du lịch, nghiên cứu khoa học và giám sát sinh thái.

Cùng với dự án FPRDP, khu bảo tồn thiên nhiên Mom Ray có trong chương trình bảo tồn hổ hiện đang được WWF - Chương trình Đông Dương thực hiện.

Tài liệu tham khảo

Anon. (1995) [Investment plan for Mom Ray Nature Reserve, Kon Tum province]. Hanoi: Forest Inventory and Planning Institute. In Vietnamese.

Do Tuoc and Ngo Tu (1995) [A report on mammals of Mom Ray Nature Reserve]. Hanoi: Forest Inventory and Planning Institute. In Vietnamese.

Duckworth, J. W. and Hedges, S. (1998) Tracking tigers: a review of the status of Tiger, Asian Elephant, Gaur and Banteng in Vietnam, Lao, Cambodia and Yunnan province (China) with recommendations for future conservation action. Hanoi: WWF Indochina Programme.

FPRDP (2000a) Annual work plan 2000, volume 1: work programme. Unpublished report to the Forest Protection and Rural Development Project.

FPRDP (2000b) Annual work plan 2000, volume 2: procurement plan and budget. Unpublished report to the Forest Protection and Rural Development Project.

FPRDP (2000c) Preparation of a revised management plan for Chu Mom Ray Nature Reserve: intermediate report on activities on

biodiversity. Unpublished report to the Forest Protection and Rural Development Project.

Kon Tum Provincial FPD (2000) [FPD questionnaire]. Kon Tum: Kon Tum Provincial FPD. In Vietnamese.

Ovel, C. (1998) An eastward flow of Virachey logs: a summary of observations in Kon Tum province, Vietnam. Unpublished report to WWF Indochina Programme.

Thai Truyen (1997) Integrative approaches for biodiversity conservation in Vietnam with a case history of the Chu Mom Ray Nature Reserve, Kon Tum province, Central Highlands. Dissertation submitted to School of Resource Management and Environmental Studies, Australian National University.